SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC THƯ VIỆN, TRUNG TÂM THÔNG TIN TẠI VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ThS Nguyễn Văn Thiên
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
ThS Nguyễn Thanh Thủy
Trường Cán bộ quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tóm tắt: *Thông qua việc khảo sát thực tế tại 72 thư viện và trung tâm thông tin, bài viết tập trung phân tích những thay đổi trong hoạt động thông tin- thư viện tại Việt Nam từ truyền thống sang hiện đại. Nghiên cứu thực trạng một số nội dung của quản lý nhà nước về thông tin-thư viện. Luận giải về những vấn đề đặt ra và đề xuất kiến nghị nhằm đổi mới một số nội dung trong quản lý nhà nước về thông tin-thư viện tại Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: Quản lý; thư viện; hoạt động thông tin-thư viện; quản lý nhà nước.

The development of libraries and information centers in Vietnam and challenges for state management

Abstract: *Based on the results of the survey implemented at 72 libraries and information centers, the paper analyzes the shift from traditional to modern information and library activities in Vietnam. Analyzing the current state management in the field of information and library. Identifying challenges and proposing suggestions to improve the state management in the field of information and library in some aspects.*

Keywords: Management; library; information – library activities; state management.

Mở đầu

Trong những thập niên gần đây với chính sách đổi mới của Đảng, sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, hoạt động thông tin - thư viện (TT-TV) Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Việc ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin (CNTT) và các công nghệ mới đã làm thay đổi nhiều hoạt động trong thư viện và trung tâm thông tin theo hướng tự động hóa. Có thể thấy các thư viện và trung tâm thông tin (TV&TTTT) Việt Nam hiện nay đang chuyển dịch từ mô hình truyền thống sang hiện đại. Sự thay đổi này mang đến nhiều lợi ích cho người dùng tin và các thư viện. Tuy nhiên, đây cũng là nguyên nhân làm bộc lộ nhiều bất cập trong công tác quản lý, đặc biệt là quản lý ở cấp vĩ mô (quản lý nhà nước). Từ những luận điểm trên, việc nghiên cứu sự thay đổi trong các TV&TTTT tại Việt Nam dưới tác động của CNTT và luận giải những vấn đề đặt ra đồng thời đưa ra một số kiến nghị đối với hoạt động quản lý nhà nước sẽ góp phần phát triển bền vững sự nghiệp TT-TV nước nhà và nâng cao hiệu quả hoạt động của các TV&TTTT tại Việt Nam.

1. Phương pháp nghiên cứu

Để xác định được sự thay đổi của các TV&TTTT Việt Nam, thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV, tác giả của bài nghiên cứu này đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Điều tra khảo sát:

Tiến hành khảo sát tại 72 TV&TTTT lớn tại Việt Nam, trong đó: 41 thư viện đại học và trung tâm học liệu (Khu vực Hà Nội - 18,

các tỉnh phía Bắc - 7, các tỉnh miền Trung - 6, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam - 10); 23 thư viện công cộng (Khu vực Hà Nội - 2, các tỉnh miền Bắc - 8, các tỉnh miền trung - 6, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam - 7) và 08 thư viện chuyên ngành. Đối tượng khảo sát là cán bộ lãnh đạo quản lý. Mẫu khảo sát được chọn theo nguyên tắc phân tầng, bởi đối tượng khảo sát không đồng nhất. Khảo sát nhiều loại hình TV&TTTT khác nhau: đại học, công cộng, chuyên ngành. Phạm vi tổ chức khảo sát bao quát các miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam.

- *Phỏng vấn*:

Tiến hành phỏng vấn một số cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV; Cán bộ quản lý một số TV&TTTT.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Thực trạng phát triển của các TV&TTTT tại Việt Nam từ mô hình truyền thống sang hiện đại

Quá trình chuyển dịch của các TV&TTTT tại Việt Nam từ truyền thống sang hiện đại được xem xét từ khi các TV&TTTT ứng dụng máy tính, phần mềm vào quản lý các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Quá trình này có thể được phân chia thành các giai đoạn sau:

- *Giai đoạn 1986 - 2000:* Đây là giai đoạn các TV&TTTT ở Việt Nam bắt đầu được trang bị các máy tính điện tử, sử dụng các phần mềm tư liệu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) thư mục, tạo lập mục lục điện tử, quản trị nguồn lực thông tin và tạo lập các sản phẩm thông tin.

- *Giai đoạn 2001 - 2006:* Đây là giai đoạn hiện đại hoá phát triển ở mức cao hơn tại các TV&TTTT Việt Nam. Nhiều dự án lớn về xây dựng thư viện điện tử, trung tâm học liệu đã được triển khai. Các dự án này tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng của thư viện điện tử như: trụ sở, tòa nhà, trang thiết bị hiện đại, máy tính điện tử, phần mềm quản lý thư viện,... Những công nghệ mới của thế giới đã được các TV&TTTT Việt Nam lựa chọn áp dụng nhằm tự động hóa cao hơn các khâu trong dây chuyền xử lý thông tin tư liệu.

- *Giai đoạn từ 2007 - nay:* Ở giai đoạn này, các TV&TTTT Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh quá trình tự động hóa. Xu hướng xây dựng thư viện số thể hiện rõ tại các thư viện đại học và một số thư viện lớn thuộc hệ thống thư viện công cộng.

Kết quả khảo sát cho thấy, thực trạng thay đổi trong các TV&TTTT tại Việt Nam được thể hiện trên một số phương diện sau:

Diện mạo các TV&TTTT Việt Nam đã thay đổi một cách rõ rệt. Nhiều TV&TTTT đã được trang bị các thiết bị hiện đại, nhất là thiết bị về CNTT nhằm thực hiện mục tiêu tin học hoá, tự động hoá các khâu nghiệp vụ, xây dựng thư viện điện tử, phát triển hệ thống mạng thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số các TV&TTTT lớn đã thiết lập được hạ tầng CNTT. Có 60/72 TV&TTTT đã có hệ thống máy chủ riêng để cài đặt phần mềm phục vụ các hoạt động chuyên môn (chiếm 83%). Trong đó hệ thống các thư viện chuyên ngành, đa ngành chiếm tỷ lệ cao nhất. Có 90% số thư viện chuyên ngành, đa ngành được khảo sát đã có hệ thống máy chủ. Nhiều thư viện, trung tâm học liệu có hàng chục máy chủ: Trung tâm Học liệu Huế 15 máy; Trung tâm Học liệu Đà Nẵng - 13 máy; Trung tâm TT-TV, Đại học Quốc gia Hà Nội - 15 máy; Thư viện Quốc gia Việt Nam - 14 máy. Bên cạnh sự đầu tư trang bị về hệ thống máy tính là sự đầu tư trang bị phần mềm quản trị thông tin. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, các TV&TTTT Việt Nam đã áp dụng nhiều phần mềm khác nhau vào quản lý các hoạt động (Bảng 1).

Bảng 1. *Thực trạng các hệ phần mềm được ứng dụng*

Loại phần mềm / Số lượng	Chuyên, đa ngành[1]		Công cộng		Tổng số	
	SL	%	SL	%	SL	%
Hệ thống thư viện tích hợp (ILS)	42	82,4	14	66,7	56	78
Phần mềm thư viện số	22	43,1	4	19,0	26	36
Phần mềm tìm kiếm tập trung	3	5,9	0	0,0	3	4
Phần mềm khác	8	15,7	7	33,3	15	21

Số liệu tổng hợp trong Bảng 1 minh họa thực trạng sử dụng phần mềm trong các TV&TTTT. Phân tích số liệu cho thấy, có 56/72 (chiếm 78%) số thư viện được khảo sát đã áp dụng hệ thống thư viện tích hợp (ILS). Có 26/72 (chiếm 36%) thư viện được khảo sát đã áp dụng phần mềm thư viện số vào quản lý và xây dựng CSDL toàn văn, các bộ sưu tập tài liệu số. Kết quả này cho thấy xu hướng xây dựng thư viện số đã hình thành và đang phát triển mạnh tại các TV&TTTT lớn ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trong hệ thống các thư viện chuyên, đa ngành.

Phần mềm tìm kiếm tập trung là phần mềm mới trong lĩnh vực TT-TV. Đây là phần mềm hỗ trợ các TV&TTTT quản lý tích hợp được nhiều loại CSDL khác nhau trong một hệ thống và cung cấp cho người dùng một giao diện duy nhất nhưng có thể truy cập đến nhiều nguồn tin, nhiều CSDL khác nhau. Trên thế giới phần mềm này chủ yếu được thư viện lớn thuộc các nước phát triển lựa chọn áp dụng bởi chi phí đầu tư lớn. Đến thời điểm hiện nay, tại Việt Nam đã có ba TV&TTTT lựa chọn và áp dụng, đó là: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Bên cạnh sự đầu tư về hạ tầng CNTT, việc đầu tư phát triển nguồn lực thông tin hiện đại cũng được chú ý. Đó là các nguồn tin điện tử như: sách, tạp chí, các CSDL điện tử,... hoặc đầu tư xây dựng thư viện số được các TV&TTTT quan tâm đầu tư ở những quy mô khác nhau. Thực tế này đã làm thay đổi cơ cấu nguồn lực thông tin trong các TV&TTTT lớn tại Việt Nam. Kết quả khảo sát trong Bảng 2 cho thấy tại các thư viện chuyên ngành, đa ngành, các trung tâm thông tin và trung tâm học liệu tỷ lệ các tài liệu điện tử ngày càng gia tăng so với tài liệu truyền thống. Thậm chí trong một số thư viện đại học, tỷ lệ tài liệu điện tử và truyền thống gần tương đương nhau. Ví dụ: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm Học liệu Thái Nguyên.

[1] Bao gồm cả thư viện đại học, trung tâm học liệu theo quy định của Pháp lệnh Thư viện.

Bảng 2. *Tài liệu điện tử tại một số thư viện lớn của Việt Nam (Tính theo tên tài liệu)*

Tên thư viện / Số lượng	Tài liệu truyền thống	Tài liệu điện tử
Đại học Quốc gia Tp. HCM	71.000	53.000*
Đại học Thái Nguyên	44.000	38.000
Đại học Quốc gia Hà Nội	157.000	47.000*
Đại học Huế	25.000	10.000*
Đại học Vinh	28.000	25.000
Đại học Bách khoa Hà Nội	110.000	30.000*
Đại học Đà Nẵng	50.000	3.500*
Thư viện Quốc gia Việt Nam	2.500.000	30.000*

Ghi chú: * *(Còn bao gồm nhiều CSDL khác)*

Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ như xử lý và tổ chức thông tin, cung cấp dịch vụ đã được tự động hoá. Số liệu trong Bảng 3 là tổng hợp các khâu công việc chuyên môn đã được ứng dụng CNTT tại các TV&TTTT Việt Nam.

Bảng 3. *Các khâu công việc đã ứng dụng tin học trong các thư viện*

Hoạt động / Số lượng	Chuyên, đa ngành		Công cộng		Tổng số	
	SL	%	SL	%	SL	%
Bổ sung	11	21,6	6	28,6	17	24
Biên mục	49	96,1	17	81,0	66	92
Quản lý ấn phẩm định kỳ	35	68,6	12	57,1	47	65
Lưu thông tài liệu	37	72,5	10	47,6	47	65
Tra cứu	49	96,1	17	81,0	66	92
Quản lý bạn đọc	40	78,4	13	61,9	53	74
Thống kê	15	29,4	5	23,8	20	28
Quản lý tài chính	6	11,8	0	0,0	6	8
Xây dựng bộ sưu tập số	22	43,1	4	19,0	26	36
Xây dựng Website	32	62,7	15	71,4	47	65

Như vậy, qua việc khảo sát tại một số TV&TTTT lớn ở Việt Nam, từ các phương diện như: hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn lực thông tin, hoạt động xử lý và tổ chức thông tin, dịch vụ TT-TV cho thấy các thư viện Việt Nam đã có rất nhiều sự thay đổi. Quá trình áp dụng CNTT vào hoạt động thư viện đã tạo ra nhiều thay đổi trong cơ cấu nguồn lực thông tin, quy trình tổ chức và phân phối thông tin. Có thể nhận định rằng, các TV&TTTT lớn ở Việt Nam hiện nay đã và đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình thư viện truyền thống sang mô hình thư viện hiện đại.

2.2. Luận giải về những vấn đề đặt ra và một số kiến nghị đối với hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin- thư viện tại Việt Nam hiện nay

Theo giáo trình quản lý hành chính nhà nước: "Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ

chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước" [1]. Như vậy, quản lý nhà nước là hoạt động mang tính chất quyền lực, sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quản lý nhà nước được xem là một hoạt động chức năng của nhà nước trong quản lý xã hội và có thể xem là hoạt động chức năng đặc biệt.

Quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV có thể hiểu là quá trình nhà nước sử dụng trong phạm vi quyền lực của mình tác động có tổ chức và điều chỉnh vào các quan hệ nảy sinh trong hoạt động TT-TV nhằm đảm bảo cho hoạt động TT-TV diễn ra theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của lĩnh vực này. Nói cách khác, quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV là sự tác động có chủ đích, có định hướng của nhà nước đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến TT-TV bằng quyền lực của nhà nước, thông qua pháp luật, chính sách, công cụ, môi trường, lực lượng vật chất và tài chính nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Quản lý nhà nước về hoạt động TT-TV bao gồm nhiều nội dung khác nhau trong đó tập trung vào những nội dung quan trọng mang tính quyết định đến sự phát triển của sự nghiệp TT-TV như [5]:

- Xây dựng chiến lược phát triển;
- Quy hoạch mạng lưới;
- Ban hành các văn bản pháp quy;
- Đầu tư kinh phí;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ;
- Hợp tác quốc tế;
- Thanh tra, kiểm tra;
- Cơ chế phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp khác.,

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, các TV&TTTT tại Việt Nam đang có sự chuyển dịch từ mô hình truyền thống sang hiện đại. Sự chuyển dịch này đã đặt ra những vấn đề cần phải giải quyết đối với hoạt động quản lý nhà nước, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- *Về xây dựng chiến lược phát triển*

Xây dựng chiến lược phát triển là một trong những nội dung rất quan trọng của quản lý hoạt động thư viện ngày nay, bởi nó giúp cho cơ quan quản lý xác định được sứ mệnh, những nhiệm vụ phải hoàn thành nhằm đạt được mục tiêu [7]. Tại Việt Nam, nhận thức được vai trò to lớn của TV&TTTT, đồng thời nắm bắt xu thế phát triển chung của thế giới về lĩnh vực này, Đảng và Nhà nước đã sớm định hướng chiến lược phát triển hoạt động TT-TV trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, như: Pháp lệnh Thư viện; Nghị định; Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương; Quyết định. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, cơ quan quản lý nhà nước cần có sự đánh giá và hoàn thiện chiến lược phát triển về lĩnh vực TT-TV. Kết quả nghiên cứu thực trạng xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển lĩnh vực TT-TV ở Việt Nam cho thấy chiến lược phát triển đã được đề cập nhưng nằm tản mạn ở nhiều các văn bản khác nhau do các cấp khác nhau ban hành. Một số nội dung mới đã được đề cập trong mục tiêu chiến lược nhưng còn sơ sài, chung chung như: hiện đại hóa, tự động hóa, tin học hóa công tác TT-TV,... Các nội dung này chưa bao quát được các lĩnh vực hoạt động trọng điểm của hoạt động TT-TV hiện nay.

Theo Kumar (2007), việc lập kế hoạch cần thiết phải cân nhắc tới những yếu tố thay đổi nhanh chóng của môi trường bên trong và bên ngoài thư viện. Công nghệ ứng dụng vào

thư viện luôn thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi việc lập kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn không chỉ có sự phân tích đánh giá môi trường một cách khoa học, khách quan mà còn phải có khả năng dự đoán, tiên liệu sự phát triển của KH&CN trong tương lai.

Có thể thấy tính đến thời điểm hiện nay, một mục tiêu chiến lược cụ thể, rõ ràng cho lĩnh vực TT-TV Việt Nam hiện vẫn chưa được xác định. Để hoàn thiện chiến lược phát triển thư viện Việt Nam, trước hết cần căn cứ vào các yếu tố chính tác động đến sự phát triển của thư viện hiện đại, các đặc trưng của thư viện hiện đại, bối cảnh thế giới và Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực TT-TV... Chỉ như vậy việc xây dựng chiến lược phát triển mới phù hợp và đúng trọng tâm.

- Về mô hình quản lý và quy hoạch mạng lưới

Mô hình quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV đã được thiết lập, tuy nhiên còn tồn tại những bất cập cần có sự điều chỉnh. Mô hình quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV ở Việt Nam hiện nay về cơ bản đã tuân thủ các quan điểm chủ đạo như vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước,... Tuy nhiên, việc nghiên cứu tham khảo mô hình quản lý nhà nước của các quốc gia có sự nghiệp khoa học thư viện phát triển, chắt lọc những kinh nghiệm phù hợp để hoàn thiện mô hình quản lý cho Việt Nam là rất cần thiết.

Trong bối cảnh hoạt động TT-TV ở Việt Nam có nhiều thay đổi theo hướng ứng dụng KH&CN như hiện nay, vấn đề cơ chế vận hành mô hình cũng cần có những thay đổi. Trong đó, cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - là cơ quan đại diện cho Chính phủ trực tiếp quản lý hoạt động TT-TV với các bộ, ngành khác. Bởi hoạt động TT-TV ngày nay có sự liên quan rất mật thiết với các lĩnh vực, như: CNTT, truyền thông và nhiều lĩnh vực khác.

Quy hoạch mạng lưới TV&TTTT là một trong những nội dung của quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV. Việc quy hoạch mạng lưới trong giai đoạn hiện nay bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc và các tiêu chí đã xây dựng trước đây, cần hết sức lưu ý những thay đổi trong hoạt động TT-TV. Ví dụ, với khả năng cung cấp thông tin không bị phụ thuộc vào yếu tố không gian, thời gian của các thư viện hiện đại, sẽ có những ảnh hưởng đến tiêu chí địa lý khi xem xét quy hoạch mạng lưới.

Những đặc điểm mới của TV&TTTT ngày nay như tính ảo trong nguồn lực thông tin, ảo về người dùng tin cũng là những vấn đề cần xem xét khi quy hoạch mạng lưới. Bên cạnh đó, với đặc điểm không hoạt động độc lập mà liên kết thành mạng lưới, nhằm chia sẻ các nguồn lực thông tin của các TV&TTTT Việt Nam như hiện nay cũng là những vấn đề cần xem xét khi quy hoạch mạng lưới.

- Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật đóng một vai trò rất quan trọng trong việc quản lý hoạt động TT-TV. Văn bản quy phạm pháp luật một mặt tạo ra công cụ quản lý, mặt khác nó tạo ra cơ chế để phát triển sự nghiệp thư viện [3]. Thực trạng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực TT-TV tại Việt Nam hiện nay có thể thấy hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu về số lượng và chưa có giá trị pháp lý cao. Tính đến thời điểm này, Luật Thư viện vẫn chưa được Quốc hội thông qua. Các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu vẫn là các văn bản dưới luật. Pháp lệnh Thư viện được ban hành năm 2001 đã tạo cơ sở pháp lý để đảm bảo cho sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại hóa nhưng là một văn bản dưới luật được ban hành từ những năm đầu thế kỷ. Theo Nguyễn Thị Ngọc Mai [2] phạm vi điều chỉnh của pháp lệnh chưa đầy đủ, chưa có quy định về thư viện hiện đại,

hoạt động trong môi trường điện tử, chưa đáp ứng được những đòi hỏi mới của thực tiễn công tác TT-TV. Trong khi đó, một số lĩnh vực có liên quan hoặc tương đồng như: xuất bản, giáo dục, KH&CN, CNTT đã được điều chỉnh bằng hình thức văn bản luật như: Luật Xuất bản, Luật Giáo dục, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Công nghệ thông tin,... Do vậy, việc áp dụng các quy định có liên quan đến thư viện trong những luật này không tương thích với những quy định trong Pháp lệnh Thư viện.

Như đã đề cập, lĩnh vực TT-TV hiện nay có sự giao thoa mật thiết với nhiều lĩnh vực ngành nghề khác. Vì vậy, để có thể quản lý tốt hoạt động TT-TV, việc xây dựng, ban hành và sớm áp dụng Luật Thư viện là rất cần thiết. Việc làm này một mặt tạo ra công cụ quản lý có tính pháp lý cao, mặt khác nó tạo nên sự tương thích trong công cụ quản lý về lĩnh vực TT-TV với một số lĩnh vực ngành nghề khác có liên quan.

Trên thế giới, phần lớn các quốc gia phát triển đều sử dụng luật để quản lý hoạt động TT-TV. Nhiều quốc gia, ví dụ, Hoa Kỳ xây dựng và ban hành luật thư viện riêng cho từng bang. Có những quốc gia ban hành luật cho từng loại hình thư viện riêng như luật cho thư viện quốc gia, luật cho thư viện công cộng, ví dụ: ở Anh.

- Về chính sách đầu tư của nhà nước

Hiện nay, kinh phí đầu tư cho mọi hoạt động của phần lớn các TV&TTTT ở Việt Nam, căn bản đều dựa vào ngân sách nhà nước cấp. Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, chỉ có 5% TV&TTTT được khảo sát có quyền tự chủ về tài chính, 95% thư viện còn lại phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách của đơn vị chủ quản. Cơ chế này đã tạo ra nhiều khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch cho các TV&TTTT.

Đối với các TV&TTTT được cấp kinh phí thông qua các dự án đầu tư cũng đang bộc lộ nhiều bất cập. Khó khăn lớn nhất của các TV&TTTT là khi dự án kết thúc thì không tìm được nguồn kinh phí để duy trì hoạt động của thư viện đúng như mục đích nó được thiết kế. Nhiều dự án thư viện điện tử đầu tư hàng trăm tỷ đồng không thể vận hành hiệu quả như thiết kế khi dự án kết thúc bởi đã hết kinh phí. Những thay đổi trong hoạt động TT-TV hiện nay đã đặt ra những vấn đề về chính sách đầu tư của nhà nước cần phải giải quyết. Để các TV&TTTT có thể phát triển bền vững, chính sách đầu tư của nhà nước cần phải đảm bảo được một số yêu cầu chính sau:

+ Đầu tư cho hoạt động TT-TV cần mang tính trọng điểm:

Một trong những ưu thế vượt trội của TV&TTTT ngày nay là khả năng chia sẻ thông tin dễ dàng không bị phụ thuộc vào không gian và thời gian. Chính vì vậy, chính sách đầu tư của nhà nước cần mang tính trọng điểm. Trong cùng một hệ thống (một tập hợp các TV&TTTT có những đặc điểm giống nhau) nên tập trung đầu tư cho một thư viện trở thành đầu mối liên kết chia sẻ thông tin cho các thư viện thành viên [4]. Mô hình đầu tư này đã được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng bởi nó phát huy được sức mạnh tổng thể của các TV&TTTT, tiết kiệm được kinh phí, tránh được sự đầu tư trùng lặp, đặc biệt là về nguồn lực thông tin thông qua việc liên kết, chia sẻ thông tin.

+ Đầu tư cho hoạt động TT-TV cần mang tính bền vững:

Đầu tư cho TV&TTTT ngày nay có nhiều khác biệt so với thư viện truyền thống. Sự khác biệt tập trung ở các nội dung đầu tư có nhiều phát sinh và phương thức đầu tư đòi hỏi sự ổn định tương đối trong một thời gian dài. Ví dụ: vấn đề đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài những chi phí phải trả

ban đầu, hằng năm các TV&TTTT sẽ còn phải trả nhiều khoản chi phí khác như: bảo hành, bảo trì phần mềm, chi phí khắc phục sự cố mạng, chi phí vận hành máy móc, chi phí cho đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực, chi phí cho việc mua các tài liệu điện tử hằng năm,...

Từ những phân tích trên, đối với cơ quan quản lý nhà nước khi xây dựng chính sách đầu tư cho TV&TTTT cần cân nhắc kỹ trong các quyết định đầu tư. Việc đầu tư cần mang tính bền vững. Không chỉ đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng cho các TV&TTTT mà cần tính đến sự đầu tư vận hành hàng năm để nó có thể phát triển bền vững. Chỉ như vậy các TV&TTTT ở Việt Nam mới có thể hoạt động hiệu quả lâu dài.

Kết luận

Hoạt động TT-TV tại Việt Nam hiện nay đã có nhiều chuyển biến tích cực. Việc ứng dụng các thành tựu của CNTT đã tạo ra sự thay đổi lớn tại các TV&TTTT. Sự thay đổi này tập trung ở các phương diện như: Cơ sở hạ tầng; Nguồn lực thông tin; Hoạt động xử lý và tổ chức thông tin; Hoạt động dịch vụ TTTV. Nhìn tổng thể có thể thấy các TV&TTTT Việt Nam đã và đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình thư viện truyền thống sang mô hình thư viện hiện đại. Sự chuyển dịch này là tất yếu và là xu thế chung của các thư viện Việt Nam hiện nay. Nó mang đến nhiều lợi ích cho người dùng tin cũng như các TV&TTTT. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này cũng đặt ra những vấn đề đối với hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV. Nhiều nội dung trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV cần thiết phải được xem xét lại và có sự đổi mới để phù hợp với sự thay đổi trong hoạt động của các TV&TTTT Việt Nam hiện nay. Chỉ như vậy hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực TT-TV mới phát huy hiệu quả tốt và tạo điều kiện thuận lợi để các TV&TTT Việt Nam phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện hành chính Nhà nước (2010), Quản lý hành chính Nhà nước, Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2013), Thực trạng tổ chức quản lý nhà nước về các thư viện điện tử Việt Nam: Chuyên đề, Hà Nội.

3. Vũ Dương Thúy Ngà (2013), Nghiên cứu hoàn thiện một số chính sách cơ bản của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp thư viện ở Việt Nam: Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội.

4. Nguyễn Văn Thiên (2013), "Xây dựng thư viện hạt nhân - giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các thư viện đại học ở Việt Nam", Nghiên cứu Văn hóa, số 6.

5. Nguyễn Văn Thiên (2014), Quản lý các thư viện điện tử tại Việt Nam hiện nay: Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.

6. Krishan Kumar (2007), Library Management in Electronic Environment, Har-Anand, S.D. India.

7. Robert D. Stueart và Barbara B. Moran (2007), Library and Information Center Management, Library and Information Science Text Series, Libraries Unlimited, NewYork.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 8-10-2015; Ngày phản biện đánh giá: 15-11-2015; Ngày chấp nhận đăng: 6-01-2016).